

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nước

2. Ông Huỳnh Văn Rô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên toà số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ X sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã D, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Trần Dũng T sinh năm 1992 (Vắng)

Địa chỉ: ấp C, xã D, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ X đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Dũng T hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2018 tại UBND xã Dân Thành. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống đến khoảng tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T đã chung sống với người phụ nữ khác. Vì vậy,

bà và ông T đã ly thân gần hai năm. Hiện ông T bỏ nhà đi đâu bà không biết. Lâu lâu bà có điện thoại nói chuyện thì ông T không có nói ở đâu. Trong thời gian Tòa án giải quyết bà có liên lạc và nói cho ông T biết việc ly hôn nhưng ông T nói bà muốn làm gì thì làm. Trước đây ông T sống chung với bà nội từ nhỏ, còn cha mẹ ông T ở đâu thì bà không biết. Bà nội ông T là người đứng ra hỏi cưới bà cho ông T. Hiện tại bà nội ông T đã mất. Tình trạng ly thân kéo dài làm cho bà thấy không còn tình cảm với ông T nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Dũng T.

- Về con: Bà và ông T không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Bà và ông T không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Dũng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản nêu ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng không lấy được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Mỹ X.

- + Về con chung: Bà X khai không có con với ông T nên đề nghị không xem xét.

- + Về tài sản chung: Bà X không có yêu cầu chia tài sản chung, còn ông T chưa có ý kiến về tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị không xem xét.

- + Về nợ chung: Bà X khai bà và ông T không có nợ chung; ông T cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Phan Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Dũng T. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Dũng T có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã D, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Dũng T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa và căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự T hành xét xử vắng mặt ông Trần Dũng T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mỹ X và ông Trần Dũng T tự nguyện T tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2018 tại UBND xã Dân Thành theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà X và ông T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà X trong thời gian chung sống, giữa bà và ông T có xảy ra mâu thuẫn do ông T sống với người phụ nữ khác. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ là giữa bà X và ông T có mâu thuẫn gì nhưng thực tế là ông T và bà X đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà X và ông T đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà X vẫn cương quyết ly hôn ông T. Còn ông T không đến Tòa án dự phiên họp hòa giải. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà X một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông T vì cho rằng không còn tình cảm với ông T và không muốn tiếp tục chung sống với ông T. Điều này cho thấy khả năng để bà X và ông T đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà X và ông T hiện tại đang sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Mỹ X như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về con chung: Bà Phan Thị Mỹ X và ông Trần Dũng T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà X không có yêu cầu chia tài sản chung; ông T chưa có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét

giải quyết.

[7] Về nợ: Bà X khai bà và ông T không có nợ chung; ông T cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà X không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà X là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Trung hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Mỹ X. Bà Phan Thị Mỹ X được ly hôn ông Trần Dũng T.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Mỹ X và ông Trần Dũng T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà X không có yêu cầu chia tài sản chung; ông T chưa có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Phan Thị Mỹ X và ông Trần Dũng T có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà X hoặc ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ: Bà X khai bà và ông T không có nợ chung; ông T cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Mỹ X chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008199 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Phan Thị Mỹ X đã nộp xong án phí. Ông Trần Dũng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Dũng T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND xã Dân Thành;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh